BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HÌNH THỨC VỪA LÀM VỪA HỌC TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 02/2025

(Kèm theo Quyết định số: 680/ QĐ-ĐHCT ký ngày 07 tháng 03 năm 2025)

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
1	AG1932N334	Nguyễn Ngân Giang	25/08/2001		AG1932N1	Luật	Trung bình
2	AG1932N336	Phan Thế Hiển	06/09/1993		AG1932N1	Luật	Trung bình
3	AG2032N001	Lê Công Bằng	12/05/1986		AG2032N1	Luật	Khá
4	AG2032N005	Lưu Minh Đạt	10/06/1994		AG2032N1	Luật	Khá
5	AG2032N006	Nguyễn Phúc Giàu	11/04/1998		AG2032N1	Luật	Khá
6	AG2032N007	Huỳnh Thị Tuyết Hoài	17/09/1996	N	AG2032N1	Luật	Khá
7	AG2032N009	Trần Minh Huân	06/10/1996		AG2032N1	Luật	Khá
8	AG2032N010	Nguyễn Thị Trúc Hương	20/06/1999	N	AG2032N1	Luật	Khá
9	AG2032N012	Huỳnh Thanh Huyền	23/04/1998		AG2032N1	Luật	Khá
10	AG2032N018	Nguyễn Thị Kim Mua	31/08/1996	N	AG2032N1	Luật	Khá
11	AG2032N026	Hà Văn Phục	14/10/1986		AG2032N1	Luật	Khá
12	AG2032N027	Liêu Phước Sang	29/10/1998		AG2032N1	Luật	Khá
13	AG2032N030	Dương Xuân Thủy	15/10/1983		AG2032N1	Luật	Khá
14	AG2032N037	Nguyễn Hồ Bảo Uyên	08/08/1998	N	AG2032N1	Luật	Khá
15	AG2032N040	Đoàn Phước Vinh	03/04/1998		AG2032N1	Luật	Khá
16	AG2032N041	Tôn Thị Kim Ba	06/05/1983	N	AG2032N1	Luật	Khá
17	AG2032N042	Lê Thị Ngọc Đầy	05/06/1992	N	AG2032N1	Luật	Khá
18	AG2032N044	Trần Minh Hồng Thạch	10/11/1998		AG2032N1	Luật	Trung bình
19	AG2032N047	Trần Ngọc Việt	23/09/1996		AG2032N1	Luật	Khá
20	CD2132Q032	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	06/10/1997	N	CD2132Q1	Luật	Khá
21	CK21V7K005	Đỗ Hoàng Đại	26/04/2000		CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
22	CK21V7K026	Đỗ Tấn Phát	06/04/2000		CK21V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
23	CK22V7K501	Huỳnh Hồng Anh	12/09/1989		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
24	CK22V7K508	Lê Thái Học	09/11/2001		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
25	CK22V7K514	Trần Duy Luân	13/07/2001		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
26	CK22V7K515	Trần Công Minh	18/04/2001		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
27	CK22V7K516	Lê Kim Ngọc	25/12/2001		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Giỏi
28	CK22V7K519	Huỳnh Minh Nhựt	01/12/1999		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
29	CK22V7K520	Đổ Thành Phát	14/11/2001		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
30	CK22V7K525	Trần Ngọc Đắc Tường	16/11/2001		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
31	CK22V7K526	Võ Lâm Hoàng Vũ	16/12/1999		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
32	CK22V7K527	Phạm Thị Lan Vy	26/01/2001	N	CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
33	CK22V7K530	Nguyễn Thanh Duy	25/06/2001		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
34	CK22V7K531	Trần Nguyễn Hoàng Duy	22/11/1993		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
35	CK22V7K532	Nguyễn Dương Hải Đăng	12/03/2001		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
36	CK22V7K535	Võ Trường Giang	18/01/1998		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Trung bình
37	CK22V7K542	Nguyễn Trung Tính	05/08/1993		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
38	CK22V7K543	Lê Anh Trí	01/12/1998		CK22V7K1	Công nghệ thông tin	Khá
39	CM1732N320	Huỳnh Vũ Linh	24/03/1991		CM1732N1	Luật	Khá
40	CM1932N709	Trần Đoàn Kết	29/07/2000		CM1932N1	Luật	Trung bình
41	CT1632M014	Nguyễn Hữu Trọng	12/05/1997		CT1632M1	Luật	Trung bình
42	CT1732M301	Hồ Thị Ngọc Ánh	25/05/1999	N	CT1732M1	Luật	Trung bình
43	CT1922N536	Lâm Thị Ngọc Thúy	09/11/2001	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
44	CT1922N539	Dương Tuyết Trân	20/06/2001	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
45	CT1922N543	Tạ Hoàng Ánh Vy	07/11/2001	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
46	CT1922N902	Phạm Thị Thanh	09/11/2000	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
47	CT1922N903	Phan Thị Từ Vi	10/07/2000	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
48	CT1922N909	Trần Thị Huyền Trân	16/04/2000	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
49	CT1922N914	Phạm Thị Thu Phương	08/06/2000	N	CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Khá
50	CT1922N916	Lê Tiến Triển	05/07/1998		CT1922N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
51	CT1932N523	Nguyễn Minh Phụng	20/11/2001		CT1932N1	Luật	Trung bình
52	CT1932N543	Nguyễn Thị Triệu Vy	01/06/2001	N	CT1932N1	Luật	Trung bình
53	CT2020N003	Nguyễn Hoàng Phương Anh	20/12/2002	N	CT2020N1	Kế toán	Khá
54	CT2020N012	Phạm Thị Thúy Kiều	25/01/1993	N	CT2020N1	Kế toán	Trung bình
55	CT2020N018	Nguyễn Thị Huỳnh Như	05/11/1997	N	CT2020N1	Kế toán	Khá
56	CT2020N019	Nguyễn Thị Thảo Nhung	09/03/1995	N	CT2020N1	Kế toán	Khá
57	CT2020N020	Hà Thị Hoàng Oanh	09/08/1997	N	CT2020N1	Kế toán	Trung bình
58	CT2020N028	Bùi Thị Thanh Thảo	30/04/1990	N	CT2020N1	Kế toán	Khá
59	CT2020N029	Lê Thị Kim Thư	12/02/1993	N	CT2020N1	Kế toán	Khá
60	CT2020N033	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	08/01/1989	N	CT2020N1	Kế toán	Khá
61	CT2020N034	Lê Quốc Văn	02/01/1987		CT2020N1	Kế toán	Trung bình
62	CT2020N039	Trương Phạm Phương Châm	24/08/1996	N	CT2020N1	Kế toán	Trung bình
63	CT2020N046	Nguyễn Thị Thùy Dương	28/01/1999	N	CT2020N1	Kế toán	Giỏi
64	CT2020N047	Phạm Thị Trà Mi	00/00/1987	N	CT2020N1	Kế toán	Khá
65	CT2022N009	Nguyễn Thái Mỹ Hân	15/08/2000	N	CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
66	CT2022N011	Nguyễn Ngô Chấn Hào	06/02/2002		CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
67	CT2022N013	Đặng Minh Hoàng	17/08/2002		CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
68	CT2022N021	Nguyễn Hùng Mạnh	09/06/1998		CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
69	CT2022N030	Nguyễn Huỳnh Đạt Tài	17/09/1996		CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
70	CT2022N031	Phạm Quốc Thái	04/08/1995		CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
71	CT2022N033	Nguyễn Hồng Thanh	13/12/2002	N	CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
72	CT2022N041	Lê Thị Hồng Vân	14/05/2002	N	CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
73	CT2022N051	Hoàng Thị Thùy Ly	11/03/1993	N	CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
74	CT2022N053	Võ Quan Văn	08/07/1999		CT2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
75	CT2032N001	Nguyễn Ngọc Anh	11/06/1995	N	CT2032N1	Luật	Khá
76	CT2032N003	Nguyễn Thanh Biết	15/12/1997		CT2032N1	Luật	Khá
77	CT2032N006	Tống Ngọc Chí	03/05/2000		CT2032N1	Luật	Trung bình
78	CT2032N016	Khưu Tuấn Minh	16/02/1999		CT2032N1	Luật	Khá
79	CT2032N017	Bùi Trung Nghĩa	08/08/2002		CT2032N1	Luật	Khá
80	CT2032N018	Phạm Minh Ngọc	01/11/1992		CT2032N1	Luật	Khá
81	CT2032N022	Dương Diệu Nhiên	15/10/1981	N	CT2032N1	Luật	Khá
82	CT2032N023	Bùi Thị Hằng Ni	19/08/1991	N	CT2032N1	Luật	Khá
83	CT2032N024	Quách Thị Y Phụng	30/05/2002	N	CT2032N1	Luật	Khá
84	CT2032N025	Phạm Thanh Diễm Quỳnh	21/11/2002	N	CT2032N1	Luật	Khá
85	CT2032N027	Trương Hoàng Tâm	03/04/1984		CT2032N1	Luật	Khá
86	CT2032N028	Nguyễn Duy Thanh	27/03/2002	N	CT2032N1	Luật	Khá
87	CT2032N029	Tạ Huỳnh Thế	13/10/1999		CT2032N1	Luật	Khá
88	CT2032N033	Lê Phạm Thanh Thúy	29/09/1995	N	CT2032N1	Luật	Khá
89	CT2032N034	Nguyễn Ngọc Tuấn	00/00/1976		CT2032N1	Luật	Trung bình
90	CT2032N037	Nguyễn Đăng Trình	24/10/1994		CT2032N1	Luật	Khá
91	CT2122Q023	Lê Trọng Nhân	24/02/1993		CT2122Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
92	CT1932Q312	Lê Thị Thủy Ngân	10/10/1983	N	CT2132Q1	Luật	Khá
93	CT2232Q001	Lê Hoàng Anh	15/05/1980		CT2232Q1	Luật	Khá
94	CT2232Q002	Trương Việt Anh	16/01/1984	N	CT2232Q1	Luật	Khá
95	CT2232Q005	Nguyễn Văn Danh	06/03/1973		CT2232Q1	Luật	Khá
96	CT2232Q006	Phạm Thị Mỹ Dung	20/04/1983	N	CT2232Q1	Luật	Giỏi
97	CT2232Q007	Lương Kỳ Bảo Duy	01/01/1996		CT2232Q1	Luật	Khá
98	CT2232Q008	Đỗ Văn Được	16/10/1984		CT2232Q1	Luật	Khá
99	CT2232Q009	Bùi Văn Gil	04/02/1982		CT2232Q1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
100	CT2232Q010	Nguyễn Thanh Hà	26/04/1992		CT2232Q1	Luật	Giỏi
101	CT2232Q011	Phan Thị Thúy Hà	30/10/1986	N	CT2232Q1	Luật	Khá
102	CT2232Q012	Lê Thị Ngọc Hâng	19/02/1989	N	CT2232Q1	Luật	Giỏi
103	CT2232Q013	Đặng Minh Hiếu	18/12/1979		CT2232Q1	Luật	Khá
104	CT2232Q014	Nguyễn Trung Hiếu	22/06/1992		CT2232Q1	Luật	Khá
105	CT2232Q018	Nguyễn Thị Thùy Linh	27/04/2000	N	CT2232Q1	Luật	Khá
106	CT2232Q019	Huỳnh Thị Ngọc Ngân	22/04/1999	N	CT2232Q1	Luật	Khá
107	CT2232Q021	Trần Thị Thiên Nhi	21/09/2000	N	CT2232Q1	Luật	Giỏi
108	CT2232Q022	Lê Hoàng Nhựt	12/01/1990		CT2232Q1	Luật	Khá
109	CT2232Q024	Lý Hoàng Phú	15/08/1988		CT2232Q1	Luật	Khá
110	CT2232Q026	Nguyễn Ngọc Tấn	24/11/1979		CT2232Q1	Luật	Khá
111	CT2232Q027	Diệp Tôn Thành	28/10/1981		CT2232Q1	Luật	Giỏi
112	CT2232Q028	Nguyễn Ngô Thiên Thanh	05/08/2000	N	CT2232Q1	Luật	Giỏi
113	CT2232Q031	Nguyễn Phước Thuận	24/09/1988		CT2232Q1	Luật	Giỏi
114	CT2232Q033	Nguyễn Thanh Toàn	17/07/1982		CT2232Q1	Luật	Giỏi
115	CT2232Q034	Thái Thị Thanh Trà	08/08/1974	N	CT2232Q1	Luật	Khá
116	CT2232Q036	Nhâm Thị Quốc Văn	10/05/1978	N	CT2232Q1	Luật	Khá
117	CT2232Q040	Đàm Thị Tuyết Ngọc	18/01/1982	N	CT2232Q1	Luật	Giỏi
118	CT2232Q042	Nguyễn Hoàng Minh Ngọc	07/09/1997	N	CT2232Q1	Luật	Khá
119	CT2232Q046	Trần Văn Vũ	10/11/1980		CT2232Q1	Luật	Giỏi
120	CT2232Q049	Nguyễn Thị Ánh Thu	26/08/1988	N	CT2232Q1	Luật	Giỏi
121	DC2232Q020	Lê Thị Kim Ngân	03/05/1999	N	CT2232Q1	Luật	Khá
122	CT22V1Q002	Phạm Trung Anh	27/05/1992	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
123	CT22V1Q003	Võ Duy Anh	26/10/1985		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
124	CT22V1Q004	Huỳnh Thị Diễm	16/06/1994	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
125	CT22V1Q005	Trần Quốc Dũng	23/11/1991		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
126	CT22V1Q006	Hà Lê Ngọc Dung	10/10/1987	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
127	CT22V1Q007	Nguyễn Bá Duy	05/09/1983		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
128	CT22V1Q008	Phạm Vũ Khương Duy	11/11/1992		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
129	CT22V1Q009	Phan Thành Đạt	16/01/1995		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
130	CT22V1Q011	Phạm Ngọc Hài	14/07/1990	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
131	CT22V1Q013	Nguyễn Trung Hiếu	25/12/1981		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
132	CT22V1Q016	Thiều Quang Trí Hưng	09/10/1983		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
133	CT22V1Q018	Nguyễn Ngọc Huyền	01/02/1991	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
134	CT22V1Q025	Nguyễn Ngọc Chi Lan	24/03/1989	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
135	CT22V1Q026	Quan Thị Ái Liên	24/09/1984	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
136	CT22V1Q027	Võ Thị Trúc Liên	21/01/1994	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
137	CT22V1Q028	Lê Thị Thùy Linh	24/04/1985	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
138	CT22V1Q030	Lê Thị Minh Loan	10/04/1981	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
139	CT22V1Q032	Lê Minh Luân	20/12/1975		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
140	CT22V1Q035	Lâm Phạm Yến Nhi	13/01/1997	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
141	CT22V1Q036	Phan Ngọc Nhí	01/02/1989		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
142	CT22V1Q037	Lư Quỳnh Như	01/01/1996	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
143	CT22V1Q041	Lê Bửu Minh Quân	22/08/1990		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
144	CT22V1Q043	Huỳnh Phượng Nhật Quỳnh	17/11/1989	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
145	CT22V1Q045	Trần Ngọc Thanh	19/08/1988		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
146	CT22V1Q046	Trần Đức Thạnh	14/02/1993		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
147	CT22V1Q047	Văn Minh Thệ	11/06/1988		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
148	CT22V1Q051	Võ Thị Kiều Trinh	15/06/1989	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
149	CT22V1Q052	Trần Thanh Trúc	08/08/1997	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
150	CT22V1Q054	Lê Phước Trung	27/06/1980		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
151	CT22V1Q055	Lưu Thảo Phúc Trường	21/12/1984		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
152	CT22V1Q057	Bùi Ngọc Xuyến	04/06/1983	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
153	DC22V1Q004	Trần Hoàng Vân Anh	23/02/1986	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
154	DC22V1Q013	Lương Khánh Duy	06/08/1999		CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
155	DC22V1Q024	Huỳnh Trương Ngân Khánh	16/07/1988	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
156	DC22V1Q036	Trịnh Thị Hồng Mơ	23/03/1993	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
157	DC22V1Q037	Đoàn Diễm My	25/11/1997	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
158	DC22V1Q060	Nguyễn Huỳnh Phương Thanh	14/12/1998	N	CT22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
159	DC1822N709	Võ Mai Kim Phụng	29/04/1996	N	DC1822N1	Quản trị kinh doanh	Khá
160	DC1832N706	Nguyễn Văn Trường	19/03/1992		DC1832N1	Luật	Khá
161	DC1996N512	Nguyễn Thành Hiệp	12/10/2001		DC1996N1	Kỹ thuật phần mềm	Giỏi
162	DC19T1Q038	Nguyễn Đặng Minh Nhựt	01/01/1992		DC19T1Q1	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	Khá
163	DC19T7K504	Lê Văn Cao	26/06/1993		DC19T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình
164	DC19T7K518	Đặng Dư Thiên Kim Long	27/12/1996		DC19T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
165	DC2022N004	Ung Thị Ngọc Bích	26/11/1999	N	DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
166	DC2022N009	Đàm Văn Giàu	12/06/1995		DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
167	DC2022N020	Nguyễn Ngọc Lễ	09/06/1999		DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
168	DC2022N021	Nguyễn Thị Linh	20/06/2001	N	DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
169	DC2022N034	Phan Thị Hồng Phúc	25/02/2002	N	DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
170	DC2022N038	Phan Duy Tâm	06/06/2002		DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
171	DC2022N046	Huỳnh Thanh Toàn	12/10/1997		DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
172	DC2022N052	Nguyễn Thiên Trường	11/10/1991		DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
173	DC2022N100	Nguyễn Quang Tuấn Đạt	05/05/2001		DC2022N1	Quản trị kinh doanh	Khá
174	DC2032N006	Lê Tấn Đức	05/01/1990		DC2032N1	Luật	Khá
175	DC2032N008	Lê Thanh Hải	24/11/1986		DC2032N1	Luật	Khá
176	DC2032N009	Châu Lê Anh Hào	18/09/1981		DC2032N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
177	DC2032N011	Huỳnh Trung Hiếu	08/08/1997		DC2032N1	Luật	Khá
178	DC2032N012	Phan Hoàng Huy	20/10/1995		DC2032N1	Luật	Khá
179	DC2032N014	Hồ Phi Khánh	10/08/2002		DC2032N1	Luật	Trung bình
180	DC2032N021	Nguyễn Thiên Phúc	22/01/2000		DC2032N1	Luật	Khá
181	DC2032N024	Trần Kim Siêu	09/07/1993	N	DC2032N1	Luật	Khá
182	DC2032N029	Nguyễn Văn Triều	11/05/2001		DC2032N1	Luật	Trung bình
183	DC2032N031	Nguyễn Thanh Tuấn	21/04/1993		DC2032N1	Luật	Khá
184	DC2032N032	Lê Anh Tuyên	01/09/1987		DC2032N1	Luật	Trung bình
185	DC2032N033	Nguyễn Văn Việt	01/12/2000		DC2032N1	Luật	Khá
186	DC2032N035	Chiêm Ngọc Như	30/06/1999	N	DC2032N1	Luật	Khá
187	DC2032N040	Nguyễn Minh Hiệp	02/01/1990		DC2032N1	Luật	Khá
188	DC2220K503	Nguyễn Thanh Bình	09/02/1998		DC2220K1	Kế toán	Trung bình
189	DC2220Q500	Nguyễn Thị An	08/05/1987	N	DC2220Q1	Kế toán	Khá
190	DC2220Q504	Dương Nguyễn Kim Cương	13/04/1996	N	DC2220Q1	Kế toán	Giỏi
191	DC2220Q505	Trần Ngọc Duyên	17/07/1996	N	DC2220Q1	Kế toán	Giỏi
192	DC2220Q506	Trần Thị Hồng Gấm	12/09/1990	N	DC2220Q1	Kế toán	Giỏi
193	DC2220Q507	Trương Thị Mỹ Hạnh	22/07/1996	N	DC2220Q1	Kế toán	Khá
194	DC2220Q508	Phan Thị Diệu Hiền	15/02/1998	N	DC2220Q1	Kế toán	Khá
195	DC2220Q511	Lê Bích Huyền	01/01/1996	N	DC2220Q1	Kế toán	Khá
196	DC2220Q514	Trần Tăng Quốc Khanh	28/07/1995		DC2220Q1	Kế toán	Giỏi
197	DC2220Q519	Nguyễn Quỳnh Nga	04/07/1996	N	DC2220Q1	Kế toán	Xuất sắc
198	DC2220Q522	Phan Thị Yến Phi	25/03/1991	N	DC2220Q1	Kế toán	Xuất sắc
199	DC2220Q525	Phạm Thị Kim Thoa	10/05/1997	N	DC2220Q1	Kế toán	Giỏi
200	DC2220Q526	Huỳnh Ngọc Anh Thư	20/10/2000	N	DC2220Q1	Kế toán	Giỏi
201	DC2220Q528	Ngũ Kiều Trinh	03/05/1997	N	DC2220Q1	Kế toán	Xuất sắc
202	DC2220Q532	Huỳnh Thị Diễm Kiều	20/07/2000	N	DC2220Q1	Kế toán	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
203	DC2220Q533	Phạm Tuyết Trinh	26/08/1977	N	DC2220Q1	Kế toán	Khá
204	DC2222K533	Ngô Dương Tâm	01/01/2001		DC2222K1	Quản trị kinh doanh	Trung bình
205	DC2222Q019	Nguyễn Hoàng Mỹ Linh	16/06/1999	N	DC2222Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
206	DC2222Q020	Trương Phi Long	01/06/1994		DC2222Q1	Quản trị kinh doanh	Giỏi
207	DC2222Q046	Trần Hữu Toàn	04/11/1996		DC2222Q1	Quản trị kinh doanh	Khá
208	DC2222Q502	Nguyễn Ngọc Duy	03/03/1982		DC2222Q2	Quản trị kinh doanh	Giỏi
209	DC2222Q504	Nguyễn Quang Hùng	05/08/1999		DC2222Q2	Quản trị kinh doanh	Khá
210	DC2222Q516	Vũ Ngọc Huệ Trân	06/09/1999	N	DC2222Q2	Quản trị kinh doanh	Giỏi
211	DC2222Q520	Trần Quốc Vương	01/02/1997		DC2222Q2	Quản trị kinh doanh	Khá
212	CT2232Q029	Huỳnh Đức Thịnh	29/10/1996		DC2232Q1	Luật	Khá
213	DC2232Q002	Nguyễn Thị Ngọc Bích	19/12/1988	N	DC2232Q1	Luật	Giỏi
214	DC2232Q010	Dương Thành Đạt	24/05/1991		DC2232Q1	Luật	Khá
215	DC2232Q013	Lâm Ngọc Hiền	21/02/1988	N	DC2232Q1	Luật	Khá
216	DC2232Q014	Ngô Phước Hữu	29/12/1989		DC2232Q1	Luật	Khá
217	DC2232Q019	Cao Minh Luân	13/02/1988		DC2232Q1	Luật	Khá
218	DC2232Q021	Dương Thị Thanh Ngân	16/01/1992	N	DC2232Q1	Luật	Khá
219	DC2232Q027	Bùi Hoàng Phúc	07/09/1998		DC2232Q1	Luật	Giỏi
220	DC2232Q031	Đinh Nhựt Thiên	10/04/1996		DC2232Q1	Luật	Khá
221	DC2232Q036	Lê Thị Ngọc Trâm	01/07/1995	N	DC2232Q1	Luật	Giỏi
222	DC2232Q039	Trương Thị Cẩm Tú	09/04/1997	N	DC2232Q1	Luật	Khá
223	DC2232Q040	Mai Quỳnh Huy Vũ	18/03/1984		DC2232Q1	Luật	Khá
224	DC2232Q041	Trần Tường Vy	15/02/1998	N	DC2232Q1	Luật	Khá
225	DC2232Q042	Nguyễn Thị Thúy Vy	25/06/1993	N	DC2232Q1	Luật	Khá
226	DC22T7K011	Tôn Thuận Hiếu	19/08/1997		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
227	DC22T7K015	Nguyễn Phạm Anh Khang	19/10/2001		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
228	DC22T7K017	Nguyễn Vủ Khoa	08/07/1999		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
229	DC22T7K018	Thái Nhựt Linh	07/07/1995		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
230	DC22T7K019	Trương Đức Lợi	08/01/1993		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Giỏi
231	DC22T7K025	Mã Hoàng Nhân	23/10/1993		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
232	DC22T7K027	Nguyễn Vương Hồng Nhân	19/09/1998		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
233	DC22T7K029	Nguyễn Minh Nhựt	24/02/1996		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
234	DC22T7K030	Phan Thành Nhựt	15/10/1991		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
235	DC22T7K031	Nguyễn Hoài Phúc	11/10/2000		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
236	DC22T7K040	Lê Hữu Thọ	02/02/1996		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Giỏi
237	DC22T7K041	Phan Thân Thương	20/02/1994		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Trung bình
238	DC22T7K042	Lương Dũng Tiến	13/01/1997		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
239	DC22T7K044	Phạm Triều Trung	22/11/1997		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
240	DC22T7K045	Lê Xuân Yên	12/12/1987		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
241	DC22T7K046	Mai Văn Hảo	04/01/1988		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Giỏi
242	DC22T7K047	Trương Trọng Nghĩa	10/11/2000		DC22T7K1	Kỹ thuật xây dựng	Khá
243	CT22V1Q012	Thạch Trần Hiểu	03/06/1991		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
244	CT22V1Q049	Cao Thanh Thùy	03/08/1986	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
245	DC22V1Q001	Lê Thảo An	01/04/1996	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
246	DC22V1Q003	Nguyễn Duy Anh	26/03/1981		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
247	DC22V1Q005	Võ Huy Bình	31/08/1987		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
248	DC22V1Q009	Lê Thị Ngọc Diễm	10/04/1984	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
249	DC22V1Q010	Nguyễn Kiều Diễm	16/01/1990	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
250	DC22V1Q012	Lâm Tường Duy	13/01/1984		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
251	DC22V1Q014	Lê Tú Duyên	14/02/2000	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
252	DC22V1Q019	Đoàn Vũ Minh Hiền	27/01/1998	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
253	DC22V1Q022	Trần Thái Như Huỳnh	02/09/1995	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
254	DC22V1Q027	Phạm Quốc Liệt	09/12/1984		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
255	DC22V1Q031	Nguyễn Thị Thảo Linh	15/03/1983	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
256	DC22V1Q032	Trần Phương Linh	26/05/1990	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
257	DC22V1Q033	Nguyễn Văn Tỷ Lợi	26/11/1994		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
258	DC22V1Q035	Nguyễn Thị Diễm Mi	06/12/1998	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
259	DC22V1Q039	Hứa Thanh Nghị	20/12/1977		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
260	DC22V1Q040	Trần Bé Ngọc	07/08/1996	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
261	DC22V1Q041	Cao Thị Kim Ngọc	01/01/1994	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
262	DC22V1Q042	Phạm Huỳnh Thế Nguyên	11/03/1992		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
263	DC22V1Q044	Trang Chánh Nguyên	28/10/1997		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
264	DC22V1Q045	Võ Duy Nhàn	05/11/1993		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
265	DC22V1Q046	Võ Minh Nhân	08/05/1996		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
266	DC22V1Q047	Nguyễn Thanh Nhàn	01/01/1988		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
267	DC22V1Q048	Võ Thúy Nhân	15/06/1998	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
268	DC22V1Q049	Lê Nguyễn Yến Nhi	21/11/1996	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
269	DC22V1Q050	Nguyễn Hoàng Nhi	25/10/1987		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Khá
270	DC22V1Q051	Lâm Kim Nhung	26/12/1992	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
271	DC22V1Q052	Phạm Thị Tuyết Nhung	20/10/1996	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
272	DC22V1Q053	Mai Vĩnh Phúc	10/08/1983		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
273	DC22V1Q056	Nguyễn Phương Quang	26/01/1997		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
274	DC22V1Q059	Nguyễn Tấn Sang	15/06/1970		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
275	DC22V1Q064	Võ Đức Thịnh	24/07/1994		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
276	DC22V1Q065	Phạm Võ Xuyên Thịnh	04/08/1998		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
277	DC22V1Q067	Nguyễn Anh Thư	23/09/1995	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
278	DC22V1Q068	Trần Minh Thuyết	08/02/1997		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
279	DC22V1Q081	Bùi Thúy Vy	14/03/1992	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi
280	DC22V1Q082	Nguyễn Hà Hải Ý	05/12/1991	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
281	DC22V1Q083	Lê Vân Hải Yến	04/12/1983	N	DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
282	DC22V1Q084	Nguyễn Tấn Đạt	01/01/1991		DC22V1Q1	Ngôn ngữ Anh	Xuất sắc
283	DG1932H303	Nguyễn Thị Hồng Cúc	29/08/1989	N	DG1932H1	Luật	Khá
284	DG2032N002	Nguyễn Công Anh	28/01/1988		DG2032N1	Luật	Khá
285	DG2032N004	Nguyễn Chí Bảo	12/03/1998		DG2032N1	Luật	Khá
286	DG2032N005	Đỗ Tấn Cảnh	28/09/1997		DG2032N1	Luật	Khá
287	DG2032N006	Nguyễn Văn Chiếm	25/05/1995		DG2032N1	Luật	Khá
288	DG2032N007	Lê Hoài Chiêu	19/02/1991		DG2032N1	Luật	Trung bình
289	DG2032N009	Lê Minh Cường	30/04/1986		DG2032N1	Luật	Khá
290	DG2032N016	Nguyễn Hoàng Khánh Duy	10/07/1998		DG2032N1	Luật	Trung bình
291	DG2032N018	Nguyễn Thành Đạt	20/05/1995		DG2032N1	Luật	Khá
292	DG2032N020	Trương Tấn Điền	13/07/1981		DG2032N1	Luật	Khá
293	DG2032N026	Lê Văn Hoàng	13/07/1971		DG2032N1	Luật	Khá
294	DG2032N028	Nguyễn Thị Thu Hồng	23/07/1990	N	DG2032N1	Luật	Khá
295	DG2032N031	Trần Thị Cẩm Hường	30/09/1995	N	DG2032N1	Luật	Khá
296	DG2032N032	Phạm Tuấn Khanh	17/09/1988		DG2032N1	Luật	Khá
297	DG2032N035	Lê Trọng Kiên	06/04/2001		DG2032N1	Luật	Trung bình
298	DG2032N039	Trần Thanh Liêm	28/11/1992		DG2032N1	Luật	Khá
299	DG2032N043	Nguyễn Tấn Lộc	04/05/2001		DG2032N1	Luật	Khá
300	DG2032N047	Phan Vũ Hoài Nam	01/06/1996		DG2032N1	Luật	Khá
301	DG2032N049	Võ Thị Tuyết Nga	19/07/1983	N	DG2032N1	Luật	Khá
302	DG2032N052	Nguyễn Duy Nguươn	22/07/1986		DG2032N1	Luật	Khá
303	DG2032N054	Nguyễn Ngọc Minh Nguyên	13/02/1996		DG2032N1	Luật	Khá
304	DG2032N056	Võ Thị Bé Nhân	24/03/1990	N	DG2032N1	Luật	Khá
305	DG2032N058	Lê Thị Phương Như	23/11/1988	N	DG2032N1	Luật	Khá
306	DG2032N059	Phan Hoài Phong	06/06/1994		DG2032N1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
307	DG2032N060	Bùi Duy Phúc	20/05/1993		DG2032N1	Luật	Khá
308	DG2032N061	Võ Hồng Phước	02/09/1981		DG2032N1	Luật	Khá
309	DG2032N066	Trương Hoài Phương	09/08/1982		DG2032N1	Luật	Khá
310	DG2032N070	Lương Thị Mỹ Quyên	23/08/1998	N	DG2032N1	Luật	Khá
311	DG2032N071	Nguyễn Văn Sen	10/09/1986		DG2032N1	Luật	Khá
312	DG2032N073	Nguyễn Thanh Sơn	16/09/1998		DG2032N1	Luật	Khá
313	DG2032N076	Nguyễn Hoàng Thái	22/04/2000		DG2032N1	Luật	Khá
314	DG2032N077	Nguyễn Văn Thanh	03/07/1984		DG2032N1	Luật	Khá
315	DG2032N082	Đặng Thị Diễm Thuy	02/11/1996	N	DG2032N1	Luật	Khá
316	DG2032N084	Trần Hữu Tính	01/04/1992		DG2032N1	Luật	Khá
317	DG2032N089	Bùi Nguyễn Duy Trung	03/02/1992		DG2032N1	Luật	Khá
318	DG2032N090	Nguyễn Văn Trung	20/10/1987		DG2032N1	Luật	Khá
319	DG2032N092	Võ Minh Tú	25/08/1988		DG2032N1	Luật	Khá
320	DG2032N094	Nguyễn Hữu Tuấn	14/01/1996		DG2032N1	Luật	Khá
321	DG2032N095	Vũ Thanh Tùng	23/08/1988		DG2032N1	Luật	Khá
322	DG2032N098	Nguyễn Thanh Tùng	25/02/1992		DG2032N1	Luật	Khá
323	DG2032N101	Võ Văn Vũ	23/12/1999		DG2032N1	Luật	Khá
324	DG2032N102	Phạm Thanh Vũ	17/03/1978		DG2032N1	Luật	Khá
325	DG2032N103	Trương Minh Xuân	09/11/1987		DG2032N1	Luật	Khá
326	DG2032N105	Nguyễn Anh Chương	26/10/1987		DG2032N1	Luật	Giỏi
327	DG2032N106	Đặng Ngọc Hân	03/07/1989	N	DG2032N1	Luật	Khá
328	DG2032N107	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	28/06/1988	N	DG2032N1	Luật	Khá
329	DG2167K500	Hồ Phát An	19/01/1998		DG2167K1	Thú y	Khá
330	DG2167K502	Trần Quốc Chí	17/09/1995		DG2167K1	Thú y	Giỏi
331	DG2167K503	Phạm Thị Kim Chi	05/07/1995	N	DG2167K1	Thú y	Khá
332	DG2167K504	Khưu Chung Đạt	17/10/1993		DG2167K1	Thú y	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
333	DG2167K505	Nguyễn Thị Cẩm Giang	21/02/1999	N	DG2167K1	Thú y	Giỏi
334	DG2167K506	Đỗ Đại Hải	16/02/1996		DG2167K1	Thú y	Khá
335	DG2167K507	Nguyễn Hoàng Hân	12/12/1999		DG2167K1	Thú y	Giỏi
336	DG2167K509	Võ Tuấn Kiệt	26/09/1998		DG2167K1	Thú y	Giỏi
337	DG2167K510	Nguyễn Sĩ Lâm	22/07/1999		DG2167K1	Thú y	Khá
338	DG2167K512	Nguyễn Nhật Nam	17/08/1996		DG2167K1	Thú y	Khá
339	DG2167K514	Huỳnh Thị Bích Ngân	15/11/1999	N	DG2167K1	Thú y	Khá
340	DG2167K515	Mai Dương Bảo Ngọc	03/02/1999	N	DG2167K1	Thú y	Khá
341	DG2167K516	Huỳnh Thị Anh Ngữ	05/11/1997	N	DG2167K1	Thú y	Giỏi
342	DG2167K517	Phạm Nguyễn Minh Nhật	21/12/1996		DG2167K1	Thú y	Khá
343	DG2167K518	Phan Minh Phú	07/05/2000		DG2167K1	Thú y	Giỏi
344	DG2167K519	Nguyễn Quốc Thái	26/04/1999		DG2167K1	Thú y	Khá
345	DG2167K520	Đặng Thị Thu Thảo	16/04/1998	N	DG2167K1	Thú y	Giỏi
346	DG2167K522	Châu Quốc Triệu	28/08/2000		DG2167K1	Thú y	Khá
347	DG2167K524	Nguyễn Thanh Tuấn	26/08/1996		DG2167K1	Thú y	Khá
348	DG2167K526	Sử Trương Thịnh An	19/07/1996		DG2167K1	Thú y	Giỏi
349	DG2167K528	Dương Minh Hiệp	17/11/1995		DG2167K1	Thú y	Khá
350	DG2167K529	Tôn Thị Huỳnh Như	01/03/1998	N	DG2167K1	Thú y	Giỏi
351	GK1632N011	Danh Sóc Khênh	20/05/1995		GK1632N1	Luật	Trung bình
352	KG1832N700	Nguyễn Văn Minh Mẫn	19/05/1997		KG1832N1	Luật	Trung bình
353	KG1932N702	Nguyễn Quốc Dũng	15/10/1987		KG1932N1	Luật	Khá
354	LA2132Q525	Nguyễn Minh Thông	19/05/1968		LA2132Q1	Luật	Khá
355	ST1732N502	Hồ Hoài Duy	20/03/1995		ST1732N2	Luật	Trung bình
356	ST2032N001	Nguyễn Trường An	30/10/1996		ST2032N1	Luật	Khá
357	ST2032N003	Nguyễn Thị Phương Anh	25/02/2002	N	ST2032N1	Luật	Trung bình
358	ST2032N004	Nguyễn Văn Điền	01/01/1986		ST2032N1	Luật	Trung bình

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
359	ST2032N010	Trần Anh Khoa	19/01/1997		ST2032N1	Luật	Trung bình
360	ST2032N014	Lý Mỹ Linh	02/07/2002	N	ST2032N1	Luật	Khá
361	ST2032N015	Nguyễn Thành Lộc	15/09/1995		ST2032N1	Luật	Khá
362	ST2032N016	Phạm Thị Triệu Mẫn	03/02/2002	N	ST2032N1	Luật	Khá
363	ST2032N019	Bùi Thị Bích Ngọc	09/07/1999	N	ST2032N1	Luật	Giỏi
364	ST2032N024	Nguyễn Hữu Phát	10/12/2002		ST2032N1	Luật	Trung bình
365	ST2032N026	Nguyễn Duy Thiên Phước	31/03/2001		ST2032N1	Luật	Trung bình
366	ST2032N029	Lý Mền Són	01/01/1982		ST2032N1	Luật	Trung bình
367	ST2032N033	Nguyễn Anh Thư	25/01/2001	N	ST2032N1	Luật	Khá
368	ST2032N034	Lê Cẩm Thuỵ	22/09/2000	N	ST2032N1	Luật	Khá
369	ST2032N042	Lê Thị Ngọc Tuyền	31/01/2001	N	ST2032N1	Luật	Khá
370	ST2032N046	Nguyễn Hồng Quyên	19/11/2002	N	ST2032N1	Luật	Trung bình
371	TV21X7Q500	Trương Văn Khánh	01/01/1980		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
372	TV21X7Q502	Trần Thị Ngọc Bích	02/08/1981	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
373	TV21X7Q504	Mai Văn Chiến	23/11/1982		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
374	TV21X7Q505	Nguyễn Thiện Cung	27/08/1983		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
375	TV21X7Q507	Dương Thị Ngọc Dễ	00/00/1977	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
376	TV21X7Q509	Lê Thị Dùm	01/01/1986	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
377	TV21X7Q511	Thạch Trung Dũng	04/11/1985		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
378	TV21X7Q513	Trần Xuân Đạt	15/06/1981		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
379	TV21X7Q515	Trịnh Trường Giang	17/09/1984		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
380	TV21X7Q517	Lâm Thành Hiếu	06/05/1985		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
381	TV21X7Q518	Huỳnh Bửu Hòa	02/09/1973		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
382	TV21X7Q519	Phạm Thị Hồng Hoa	16/06/1984	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
383	TV21X7Q520	Phạm Quốc Hương	27/09/1982		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
384	TV21X7Q521	Nguyễn Thị Vân Huyền	10/09/1979	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
385	TV21X7Q522	Hà Linh Huyền	01/01/1985		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
386	TV21X7Q523	Nguyễn Thị Minh Khai	06/11/1984	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
387	TV21X7Q524	Nguyễn Trần Nhật Khoa	06/06/1983		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
388	TV21X7Q525	Nguyễn Duy Kiệt	26/10/1985		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
389	TV21X7Q526	Sơn Ngọc Tha Lai	02/10/1979		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
390	TV21X7Q527	Võ Trần Vũ Linh	05/01/1986		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
391	TV21X7Q528	Nguyễn Tấn Lợi	02/03/1989		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
392	TV21X7Q529	Nguyễn Thanh Long	06/02/1989		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
393	TV21X7Q532	Trần Bình Luận	11/09/1985		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
394	TV21X7Q533	Nguyễn Văn Lước	02/09/1982		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
395	TV21X7Q534	Nguyễn Thị Ngon	00/00/1982	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
396	TV21X7Q536	Bùi Thị Nguyệt	09/02/1981	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
397	TV21X7Q537	Thạch Thị Nhanh	10/03/1988	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
398	TV21X7Q538	Nguyễn Văn Nhiễm	18/08/1972		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
399	TV21X7Q539	Thạch Nhung	09/12/1980		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
400	TV21X7Q540	Thạch Hoane Ni	19/02/1975		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
401	TV21X7Q542	Nguyễn Văn Oanh	01/01/1970		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
402	TV21X7Q543	Thạch Súc Phơnl	17/03/1987		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
403	TV21X7Q545	Nguyễn Hoàng Phương	01/01/1970		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Khá
404	TV21X7Q546	Nguyễn Thị Quyên	30/04/1983	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
405	TV21X7Q548	Thạch Si Ni Ral	12/10/1984		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
406	TV21X7Q549	Kim Rune	00/00/1974		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
407	TV21X7Q550	Trần Tấn Sơn	24/02/1984		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
408	TV21X7Q551	Sơn Minh Sốt	01/01/1985		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
409	TV21X7Q552	Nguyễn Minh Tâm	15/05/1975		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
410	TV21X7Q553	Nguyễn Minh Tâm	10/12/1982		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
411	TV21X7Q554	Nguyễn Quốc Thái	19/09/1986		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
412	TV21X7Q555	Trần Tấn Thành	01/01/1980		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
413	TV21X7Q557	Thạch Thị Thi	01/01/1980	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
414	TV21X7Q558	Thạch Chane Thi	14/12/1980		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
415	TV21X7Q560	Lê Thị Bích Trâm	20/06/1984	N	TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
416	TV21X7Q561	Dương Văn Trang	10/07/1971		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
417	TV21X7Q563	Nguyễn Văn Trưởng	01/01/1974		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
418	TV21X7Q564	Trần Thanh Tú	15/04/1984		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
419	TV21X7Q565	Thạch Sa Vếch	01/01/1986		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Xuất sắc
420	TV21X7Q566	Lê Thanh Việt	10/05/1985		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
421	TV21X7Q567	Trần Văn Vũ	17/08/1977		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
422	TV21X7Q568	Trần Phước Vũ	28/02/1981		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
423	TV21X7Q569	Lê Minh Vương	01/01/1982		TV21X7Q1	Quản lý tài nguyên và môi trường	Giỏi
424	VL1632M543	Đỗ Nguyễn Trọng Hiếu	30/12/1996		VL1632M1	Luật	Trung bình
425	VT1932N507	Bùi Ngọc Ngân	10/04/1992		VT1932N1	Luật	Khá
426	VT1932N538	Trần Thế Minh	01/11/1984		VT1932N1	Luật	Khá
427	VT2032Q009	Lê Trí Bửu	14/08/1994		VT2032Q1	Luật	Trung bình
428	VT2132P500	Huỳnh Văn Bắc	08/06/2002		VT2132P1	Luật	Khá

Stt	MSSV	Họ tên	Ngày sinh	Nữ	Lớp	Tên ngành	Xếp loại
429	VT2132P505	Huỳnh Nguyễn Nhật Hào	22/05/1996		VT2132P1	Luật	Khá
430	VT2132P508	Nguyễn Thị Ái Nhi	24/10/1999	N	VT2132P1	Luật	Khá
431	VT2132P509	Đoàn Thị Nho	12/09/1983	N	VT2132P1	Luật	Khá
432	VT2132P510	Lê Thị Tý Nỵ	09/09/1990	N	VT2132P1	Luật	Khá
433	VT2132P512	Nguyễn Phước Thịnh	26/02/1999		VT2132P1	Luật	Khá
434	VT2132P514	Nguyễn Thị Thu Thủy	25/06/1983	N	VT2132P1	Luật	Khá
435	VT2132P517	Nguyễn Trí Dũng	05/07/1979		VT2132P1	Luật	Giỏi
436	VT2132P523	Nguyễn Thị Tú Trinh	03/08/1994	N	VT2132P1	Luật	Trung bình
437	VT2132P525	Phan Thị Vũ Y	19/02/1984	N	VT2132P1	Luật	Khá
438	VT2132P526	Đặng Trí Thức	22/12/2003		VT2132P1	Luật	Khá

LẬP BẢNG

Võ Minh Trí

TL. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Phạm Phương Tâm